

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh
về các nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình
Kỳ họp thứ hai, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII.

Tại kỳ họp thứ hai, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến **41 nội dung**; trong đó có **16 báo cáo** và **25 Tờ trình** dự thảo Nghị quyết.

Ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đa số đều thống nhất với các nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp. Bên cạnh đó, qua thẩm tra, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung, bổ sung các căn cứ pháp lý, hoàn chỉnh thể thức, kỹ thuật trình bày, rà soát số liệu,... của các Báo cáo, dự thảo Nghị quyết. Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu các ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đã chỉ đạo cơ quan chủ trì xây dựng rà soát, bổ sung và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, và báo cáo, làm rõ một số nội dung như sau:

I. Về các báo cáo chuyên đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh có tiếp thu, giải trình chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo.

II. Về các Tờ trình dự thảo Nghị quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo; đồng thời báo cáo làm rõ một số nội dung để đại biểu xem xét, thảo luận và quyết định như sau:

1. Đối với Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 và Tờ trình dự thảo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Đối với chỉ tiêu Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 3.600 tỷ đồng, đề nghị chỉ đạo rà soát, tính toán, để đảm bảo tỷ lệ tăng 8,2%/năm theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI⁽¹⁾.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành liên quan rà soát, tính toán và điều chỉnh chỉ tiêu Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt **4.000 tỷ đồng** (tăng 400 tỷ đồng so với dự kiến ban đầu).

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Theo đánh giá về tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 còn gặp nhiều khó khăn, nhưng tại phần II phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 mục tiêu trồng mới Sâm Ngọc Linh 500 ha, các cây dược liệu

⁽¹⁾ Nghị quyết số 06-NQ/ĐH ngày 30/9/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025.

khác trồng mới 2.000 ha trong điều kiện khó khăn về cây giống để trồng⁽²⁾; rừng trồng mới trên 3.955 ha,.. đề nghị cơ quan trình tiếp thu, làm rõ các cơ sở về nguồn lực, giống, diện tích đất trồng để có giải pháp phân đấu đạt những chỉ tiêu nêu trên,...

* **Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo như sau:** Trên cơ sở Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2022 và ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo rõ như sau:

- Để đảm bảo hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh³ và trên cơ sở dự kiến kết quả thực hiện năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng mục tiêu trong năm 2022 là trồng mới Sâm Ngọc Linh **500 ha**, các cây dược liệu khác trồng mới **2.000 ha**; trồng mới trên **4.000 ha rừng**. Để đạt được mục tiêu nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng chính sách tổng thể nông nghiệp nông thôn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025, có tính đến năm 2030, trong đó có chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dược liệu, cây ăn quả, chăn nuôi, hỗ trợ trồng rừng và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm. Dự kiến các chính sách sẽ được triển khai từ năm 2022; hỗ trợ các địa phương triển khai thực hiện chính sách đến từng người dân sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, trong năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ ban hành Đề án về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản gắn với khai thác, bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản giai đoạn 2021-2030 và định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Đề án đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Phương án thụ tinh nhân tạo đàn bò để làm cơ sở triển khai thực hiện tại các địa phương. Đồng thời, triển khai thực hiện thí điểm Chuỗi liên kết từ khâu trồng, thu hoạch, chế biến và phân phối dược liệu (Trồng Đảng sâm xen trong vườn cà phê chè) tại các huyện Tu Mơ Rông, Kon Plông và Đăk Glei để làm cơ sở nhân rộng mô hình liên kết trồng dược liệu.

- Về quỹ đất trồng rừng: Hiện nay, qua rà soát kết quả theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh đến hết năm 2020 có khoảng 171.000 ha quỹ đất trồng lâm nghiệp. Năm 2021, toàn tỉnh trồng được **4.798 ha rừng**, như vậy quỹ đất còn lại đảm bảo thực hiện chỉ tiêu trồng rừng đến năm 2025.

- Về nguồn lực thực hiện: Sau khi Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao chi tiết kế hoạch đến từng

⁽²⁾ Tại phụ lục 03 kèm theo Báo cáo, theo tính toán của cơ quan chuyên môn để trồng 01 ha Sâm dây chi phí khoảng 300 triệu đồng; đây là mức đầu tư quá lớn đối người dân. Đầu tư 01 ha Sâm Ngọc linh (10.000 cây/ha) chi phí giống lên tới 03 tỷ đồng.

⁽³⁾ Mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI là đến năm 2025, diện tích Sâm Ngọc Linh đạt 4.500 ha, cây dược liệu khác đạt 10.000 ha, trồng mới rừng 15.000 ha, ... Dự kiến đến cuối năm 2021, kết quả thực hiện trên như sau: trồng mới Sâm Ngọc Linh đạt 333,5ha nâng diện tích Sâm Ngọc linh lên 1.241 ha; trồng mới cây dược liệu 1.306 ha, nâng tổng diện tích cây dược liệu lên 2.664 ha; trồng mới rừng 3.955 ha.

địa phương, đồng thời, chỉ đạo các địa phương huy động và lồng ghép các nguồn lực để đảm bảo hoàn thành kế hoạch. Trong quá trình triển khai, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ rà soát, trình cấp có thẩm quyền hỗ trợ một phần kinh phí để các địa phương thực hiện tương tự như năm 2021 (*Năm 2021, phân bổ 11,184 tỷ đồng để hỗ trợ kinh phí trồng rừng cho các địa phương tại Quyết định 284/QĐ-UBND, ngày 09/4/2021*).

- Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách: Đề nghị quan tâm một số nhiệm vụ, giải pháp sau: Tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế-xã hội; Cơ cấu lại các ngành kinh tế; Tổ chức kết nối và hỗ trợ các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; Làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, phân bổ và đẩy mạnh giải ngân vốn hiệu quả đầu tư công; Thúc đẩy phát triển liên kết vùng, khu kinh tế và phát triển đô thị, kinh tế đô thị; Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính-ngân sách nhà nước; Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên và môi trường; Tăng cường kiểm soát dịch bệnh; Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo; Chú trọng thực hiện chính sách người có công, bảo trợ xã hội, bảo đảm an sinh xã hội. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Cuộc vận động "Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững"; Thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư gắn với tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, ách tắc trong đầu tư, kinh doanh...

* **Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo như sau:** Về cơ bản, các nhiệm vụ, giải pháp do Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị quan tâm **là phù hợp với tình hình thực tế và đã có lồng ghép một số nội dung trong các** giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2022 (*tại Báo cáo số 382/BC-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh*). Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tỉnh ủy và tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã bổ sung, hoàn thiện các nhiệm vụ, giải pháp tại dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

2. Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Đề án đề nghị công nhận thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum là đô thị loại II

- Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách: Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Biên tập lại tên gọi dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Theo quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13, Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum có trách nhiệm lập đề án phân loại đô thị làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền thẩm định, công nhận loại đô thị. Xuyên suốt quá trình lập, triển khai lấy ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, các sở ngành của tỉnh, các phòng ban của thành phố và Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố, tên gọi duy nhất của Đề án là "*Đề án đề nghị công nhận thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum là đô thị*

loại II”. Đồng thời, tên gọi của Đề án là phù hợp với tinh thần nâng loại đô thị tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13.

Mặt khác, qua tham khảo các địa phương khác, Hội đồng nhân dân các tỉnh khi thông qua Đề án cũng có tên gọi tương tự. Để tránh sự xáo trộn, hiểu nhầm về tên của Đề án, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thống nhất theo tên gọi Đề án là “*Đề án đề nghị công nhận thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum là đô thị loại II*”. Tên gọi dự thảo Nghị quyết sau khi tiếp thu, chỉnh sửa: điều chỉnh từ “*Nghị quyết về Đề án đề nghị công nhận thành phố Kon Tum là đô thị loại II*” thành “*Nghị quyết thông qua Đề án đề nghị công nhận thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum là đô thị loại II*”.

3. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2022

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Đề nghị báo cáo làm rõ việc xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn 3.600.000 triệu đồng⁽⁴⁾ có đảm bảo tỷ lệ tăng bình quân năm và thu ngân sách đến năm 2025 đạt theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Căn cứ mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI, thu ngân sách Nhà nước tại địa bàn tăng bình quân 8,2%/năm và đạt trên 5.000 tỷ đồng vào năm 2025. Trên cơ sở Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 03/12/2021 của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2022 và ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, để đảm bảo mục tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 8,2%/năm theo Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành liên quan rà soát, tính toán và điều chỉnh chỉ tiêu Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt **4.000 tỷ đồng**.

4. Tờ trình dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về thông qua Đề án phát triển các vùng kinh tế động lực tỉnh Kon Tum tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Dự kiến tổng nhu cầu nguồn lực thực hiện đầu tư trên địa bàn vùng kinh tế động lực giai đoạn 2021-2025 khoảng 77.025 tỷ đồng. Đề nghị phân tích rõ khả năng huy động nguồn vốn, giải pháp lộ trình cụ thể.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Về khả năng huy động nguồn vốn: Tại tiết 1.3.4 điểm 1.3 khoản 1 Mục II Phần II dự thảo Đề án đã thể hiện các giải pháp huy động nguồn lực. Về giải pháp lộ trình cụ thể:

- Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước, đã được cơ quan chủ trì xây dựng Đề án tổng hợp theo Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021; Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

⁽⁴⁾ Trong đó, dự toán tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao 813.000 triệu đồng

tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum. Trên cơ sở đó, hằng năm Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn để triển khai thực hiện.

- Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách: trên cơ sở các danh mục dự án được thu hút đầu tư giai đoạn 2021-2025, tỉnh sẽ chỉ đạo các địa phương vùng động lực tăng cường kêu gọi, thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để các dự án sớm được triển khai thực hiện, nhất là các tập đoàn lớn có tiềm lực; đặc biệt là đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư và tập trung nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm; tăng cường tuyên truyền, quảng bá thu hút các nhà đầu tư bằng nhiều hình thức trong đó chú trọng xây dựng bản đồ số về các dự án thu hút đầu tư.

5. Tờ trình dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum trên địa bàn tỉnh Kon Tum

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và làm rõ một số nội dung sau: Qua nghiên cứu danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022, Ban nhận thấy Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua khoảng **370 dự án/6.596,58 ha** cần thu hồi đất, trong đó bao gồm các dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư (*theo Khoản 3 Điều 62 Luật đất đai*) và các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư. Căn cứ quy định của Luật Đất đai năm 2013, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Ban nhận thấy hiện nay Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn chưa có sự đồng bộ, thống nhất, đang được Chính phủ xem xét đề nghị sửa đổi...việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tất cả danh mục các dự án không thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư có những khó khăn, vướng mắc. Cụ thể: Theo quy định, danh mục các dự án cần thu hồi đất do Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, tuy nhiên, qua báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh hiện nay các dự án đang trong quá trình lập thủ tục đầu tư, đo đạc bản đồ địa chính xác định từng loại đất bị ảnh hưởng để tính toán lập phương án bồi thường. Hơn nữa các dự án này sử dụng nguồn vốn đầu tư đã được phân cấp cho Hội đồng nhân dân các cấp quyết định. Bên cạnh đó, đối với các công trình, dự án mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch. Vì vậy, đối với các dự án không thuộc danh mục dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận hiện nay chưa khẳng định được việc ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch nên không có cơ sở để Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Từ những nhận định trên, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị biên tập Điều 1 dự thảo nghị quyết theo hướng Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất. Các

dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư còn lại mà phải thu hồi đất: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, tổng hợp vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện phê duyệt theo thẩm quyền. Rà soát chỉ thông qua danh mục dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch. Đối với nội dung danh mục các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác, đề nghị rà soát, điều chỉnh đưa ra khỏi danh mục: các dự án chưa được cấp thẩm quyền ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch; các dự án chuyển mục đích diện tích đất rừng phòng hộ chưa có ý kiến của cơ quan chuyên ngành về diện tích rừng tự nhiên trên diện tích đất chuyển mục đích; các dự án chuyển mục đích diện tích đất lúa nước chưa có vốn và quyết định chủ trương đầu tư theo quy định.

*** Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:**

- Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022: Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát danh mục dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất trong năm 2022 và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch trong tổng số dự án 370 dự án/6.596,58ha đã được Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021, kết quả rà soát như sau: Tổng số dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất trong năm 2022 và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch là **20 dự án/662,7 ha** (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

- Các dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư còn lại mà phải thu hồi đất: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, tổng hợp vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện phê duyệt theo thẩm quyền.

- Các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác: Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát danh mục dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong tổng số dự án **28 dự án/47,26 ha**, đất rừng phòng hộ trong tổng dự án **06 dự án/57,07 ha** đã được Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021, kết quả rà soát như sau:

+ Tổng diện tích đề nghị trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác là **20 dự án/25,56 ha**. (Đã bổ sung quyết định chủ trương đầu tư theo quy định; Đối với nội dung đề nghị ghi vốn thực hiện: căn cứ Quy định tại Điều 1 Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng không yêu cầu phải có văn bản ghi vốn trong năm kế hoạch, chỉ quy định có Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công mà tại thời điểm gửi hồ sơ văn bản đó còn hiệu lực thực hiện, trừ trường hợp không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công)

+ Tổng diện tích đề nghị trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ vào mục đích khác là **24,52 ha/03 dự án**. (Các dự án không ảnh hưởng đến rừng tự nhiên theo Công văn số 3323/SNN-KH ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

6. Tờ trình dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh Kon Tum về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 trình tại Kỳ họp thứ 2 HĐND tỉnh Khóa XII dự kiến điều chỉnh quy hoạch 02 điểm mỏ⁵; loại khỏi quy hoạch 09 điểm mỏ⁶; bổ sung quy hoạch 15 điểm mỏ⁷ (trong đó có 03 điểm mỏ do Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định). Ngoài trừ việc trùng lặp các điểm mỏ do Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, đề nghị báo cáo làm rõ nguyên nhân điều chỉnh, loại bỏ khỏi quy hoạch các điểm mỏ.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Trong quá trình thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, có phát sinh một số vấn đề thực tiễn nên các cơ quan, địa phương đã có văn bản đề nghị điều chỉnh, loại bỏ một số điểm mỏ cho phù hợp. Cụ thể như sau:

- Đối với 02 điểm mỏ điều chỉnh quy hoạch:

+ SHQH 182: điểm mỏ cát xây dựng tại thôn Kon Jo Drei I – Kon Mơ Nay Ktu, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014. Do công trình Cầu thuộc Tuyến tránh thành phố Kon Tum đi qua điểm mỏ, để đảm bảo an toàn cho công trình cần điều chỉnh tọa độ, diện tích của điểm mỏ này.

+ SHQH 68: Điểm mỏ đất san lấp tại Khối 1, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014. Do có sự thay đổi về địa giới hành chính nên điều chỉnh địa danh thành Khối 2, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô cho phù hợp.

- Đối với 09 điểm mỏ loại khỏi Quy hoạch:

+ Loại khỏi quy hoạch 05 điểm mỏ đã được phê duyệt tại Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể: SHQH 196: điểm mỏ đá xây dựng tại thôn 4, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum (mỏ đá Sao Mai, trước đây UBND tỉnh đã cấp phép khai thác khoáng sản cho Công ty TNHH MTV Xuân Thành Gia Lai); Tuyến tránh thành phố Kon Tum đi ngang qua khu vực này; SHQH 197: điểm mỏ đá xây dựng tại Thôn 2, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum (trước đây UBND tỉnh đã cấp phép cho Công ty TNHH Hoàng Đạt khai thác); Đường trục chính phía Tây thành phố Kon Tum đoạn qua xã Hòa Bình đi qua khu

⁽⁵⁾ Điểm mỏ cát xây dựng thuộc Thôn Kon Jo Drei I - Kon Mơ Nay Ktu, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum (182); Điểm mỏ đất san lấp (68) trước đây thuộc Khối 1, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô

⁽⁶⁾ Gồm: 05 mỏ đá xây dựng; 03 mỏ đất san lấp; 01 mỏ Cát xây dựng.

⁽⁷⁾ Gồm: 12 mỏ đất san lấp (Đất làm VLXDĐT); 02 mỏ Quarzit tăng lần; 01 mỏ Vàng gốc.

vực này; SHQH 161: điểm mỏ đá xây dựng tại Thôn 4, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai: Một phần diện tích là đất rừng tự nhiên, một phần diện tích nằm trong hành lang an toàn giao thông Quốc lộ 14C, không đảm bảo an toàn về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; SHQH 170: điểm mỏ đá xây dựng tại Thôn 8, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai: nằm trong Quy hoạch điểm dân cư số 23; SHQH 171A: điểm mỏ cát xây dựng tại Thôn 8, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai: nằm trong hành lang an toàn cầu Sê San 4.

+ Loại khỏi quy hoạch 02 điểm mỏ đã được phê duyệt tại Quyết định 21/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2016, cụ thể: SHQH 03: điểm mỏ đất san lấp tại thôn Kon Hra Ktu, xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum: để hạn chế thay đổi địa hình tự nhiên, ảnh hưởng đến kiến trúc cảnh quan, môi trường và việc phát triển không gian đô thị thành phố Kon Tum trong tương lai; SHQH 05: điểm mỏ đất san lấp tại thôn Đăk Hưng, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum: không đảm bảo về trữ lượng để đầu giá, cấp phép khai thác đất san lấp.

- Loại khỏi quy hoạch 02 điểm mỏ đã được phê duyệt tại Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021, cụ thể: SHQH BS07: điểm mỏ đá xây dựng tại thôn Hoà Bình, xã Sa Nghĩa, huyện Sa Thầy: trùng với điểm mỏ Quarzit tăng lần đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định công bố tại Quyết định số 799/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2021; SHQH BS14: điểm mỏ đất san lấp tại thôn Kon Hra Ktu, xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum: để hạn chế thay đổi địa hình tự nhiên, ảnh hưởng đến kiến trúc cảnh quan, môi trường và việc phát triển không gian đô thị thành phố Kon Tum trong tương lai.

7. Tờ trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Đề nghị báo cáo làm rõ cơ sở đề xuất tăng các mức chi tặng quà, hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 1294-CV/VPTU ngày 29 tháng 6 năm 2021 về giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu tăng mức hỗ trợ quà tặng cho đối tượng người có công tiêu biểu nhân ngày Thương binh Liệt sĩ 27 tháng 7. Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Lao động Thương binh Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Văn bản nêu trên. Theo đó, để đảm bảo phù hợp mục tiêu thăm hỏi, ý nghĩa động viên, tri ân của Tỉnh đối với người có công cách mạng tiêu biểu và đối tượng được thăm hỏi, biểu dương; cơ quan chủ trì đã phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, nghiên cứu đề xuất nâng mức chi tặng quà cho người có công tiêu biểu nhân ngày Thương binh liệt sĩ Ngày 27 tháng 7 và Tết Nguyên đán, tăng từ 500.000 đồng/suất quà lên 1.500.000 đồng/suất quà và nâng mức hỗ trợ thăm hỏi, động viên, biểu dương đối với hộ dân tộc thiểu số tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán hằng năm, tăng từ 500.000 đồng/hộ/năm lên 1.000.000

đồng/hộ/năm. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính tổng hợp, xây dựng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và gửi lấy ý kiến rộng rãi các đơn vị, địa phương và tổng hợp lấy ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất sửa đổi mức tặng quà, hỗ trợ các đối tượng theo dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung nêu trên. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách: Đề nghị điều chỉnh tên gọi dự thảo Nghị quyết, biên tập như sau: “*Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”.

*** Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh tên gọi dự thảo Nghị quyết như sau: “*Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”.

8. Tờ trình dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022

- Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung Điều 3 nội dung sau: “Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các đơn vị dự toán khối tỉnh với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài...”.

*** Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Khoản 4 Điều 3 như sau: “*Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra, đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách theo quy định. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài.*”

- Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách: Tại Khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định, đề nghị biên tập tiêu đề, bổ sung các cơ quan khối Đảng, đoàn thể, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

*** Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định như sau: “*b) Đối với nhóm các Sở, ban ngành còn lại (ngoài khu Trung tâm hành chính mới), các cơ quan khối Đảng, đoàn thể, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế như sau.*”.

- Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách: Tại Điều 3 dự thảo Quy định, Ban thống nhất với tỷ lệ phân bổ như đề xuất tại dự thảo, tuy nhiên đề nghị xem xét

biên tập nội dung tại khoản 1 Điều 3 theo quy định Luật ngân sách nhà nước, đảm bảo chặt chẽ, rõ ràng và dễ áp dụng thực hiện.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Điều 3 dự thảo Quy định như sau:

1. “*Phân bổ kinh phí tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, học bổng học sinh dân tộc nội trú) chiếm tỷ lệ 80% tổng chi sự nghiệp giáo dục, tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập đảm bảo mức 20% (chưa kể chi từ nguồn thu học phí, thu sự nghiệp), đã bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, chính sách, Đề án đã được Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành áp dụng thực hiện cho giai đoạn 2021-2025 và các nhiệm vụ phát sinh theo chủ trương, quy định của cấp thẩm quyền.*

Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán sự nghiệp giáo dục đảm bảo tỷ lệ chi thường xuyên, giao tự chủ cho các cơ sở giáo dục cấp tỉnh (ngoài quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương, học bổng học sinh dân tộc nội trú) là 15% (bao gồm cân đối nguồn thu sự nghiệp, thu phí được để lại đơn vị theo quy định); phần kinh phí còn lại sau khi giao dự toán theo quy định về cơ chế tự chủ cho các cơ sở giáo dục được phân bổ thực hiện cho các đề án, chính sách do Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành và một số nhiệm vụ khác phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập của ngành theo quy định.

2. *Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:*

- *Đảm bảo các chế độ chính sách: Chính sách phát triển giáo dục mầm non; hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; Chính sách hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;*

- *Các nội dung chi theo chức năng, nhiệm vụ chuyên môn phục vụ công tác quản lý toàn ngành (bao gồm tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, chi công tác khen thưởng, đào tạo; kinh phí cho giáo viên biệt phái dạy tiếng Việt tại Lào, Campuchia; các nhiệm vụ chuyên môn triển khai theo Luật Giáo dục năm 2019; các nhiệm vụ chuyên môn khác theo chức năng quản lý ngành, lĩnh vực của các cấp học trên địa bàn tỉnh): Thực hiện trên cơ sở định mức, chế độ quy định, khối lượng công việc thực hiện và khả năng cân đối ngân sách.*

3. *Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ưu tiên bố trí ngân sách địa phương cho hoạt động giảng dạy và học tập theo khả năng cân đối ngân sách.”*

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Quy định: Đề nghị làm rõ cơ sở nào xây dựng định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo cho Trường Cao đẳng Cộng đồng theo tỷ lệ 86/14.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Nghị quyết 68/2016/NQ-HĐND không quy định mức chi cho Trường Cao đẳng Cộng đồng; thực tế trong giai đoạn ngân sách 2017-2021, chi sự nghiệp đào tạo Trường Cao đẳng Cộng đồng được giao dự toán theo định mức/chỉ tiêu học sinh, kết hợp NSNN cấp bù chi thường xuyên khác (ngoài lương) đảm bảo đủ 17% (bao gồm cả cân đối nguồn thu sự nghiệp), tính theo tiền lương cơ sở 1,21 triệu đồng. Trong tình hình đào tạo hiện nay của Trường Cao đẳng CĐCD Kon Tum vẫn còn khó khăn; nguồn thu sự nghiệp của Trường hàng năm và dự báo các năm tới vẫn chưa đảm bảo chi và tình hình thực tiễn trong các năm qua, khả năng ngân sách tỉnh năm 2022, thực hiện xây dựng định mức giao cho Trường Cao đẳng Cộng đồng theo cơ cấu quỹ lương chi khác 86/14 (theo tiền lương cơ sở 1,49 triệu đồng), tỷ lệ 14%/chi khác theo lương 1,49 triệu đồng cao hơn tỷ lệ 17% tính theo lương 1,21 triệu đồng nhằm tạo điều kiện cho Trường duy trì hoạt động và từng bước tháo gỡ khó khăn. Theo đó, nội dung tại điểm a, Khoản 1 biên tập lại như sau: “*a) Phân bổ theo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) chiếm tỷ trọng 86% trên chi thường xuyên, chi khác đảm bảo mức 14%, sau khi cân đối sử dụng nguồn thu học phí, nguồn thu hoạt động sự nghiệp (sau khi trừ chi phí cho hoạt động thu).*”

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung phân bổ kinh phí đào tạo lưu học sinh Lào, Campuchia ở Trường Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum và Cao đẳng Cộng đồng.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách; Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Khoản 1 Điều 3 dự thảo Quy định như sau: “*3. Chi sự nghiệp đào tạo khác (đã bao gồm kinh phí đào tạo lưu học sinh Lào, Campuchia ở Trường Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum và Cao đẳng Cộng đồng): căn cứ nhu cầu kinh phí theo khối lượng công việc, dự toán kinh phí đơn vị lập, chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, khả năng cân đối ngân sách để phân bổ cho phù hợp.*”

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Tại điểm c Khoản 1 Điều 5, đề nghị biên tập nội dung đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước về thẩm quyền phân bổ dự toán.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung điểm c Khoản 1 Điều 5 dự thảo Quy định như sau: “*c) Định mức phân bổ tại điểm a, b đã bao gồm chi cho bộ máy hoạt động, các chế độ chính sách phụ cấp đặc thù ngành y tế và tăng kinh phí cho công tác dự phòng. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán sự nghiệp y tế theo quy định của Trung ương về cơ chế tự chủ; phần kinh phí còn lại sau khi giao dự toán theo quy định về cơ chế tự chủ được phân bổ thực hiện cho các nhiệm vụ, chính sách, đề án, tăng cường cơ sở vật chất và các nhiệm vụ cần thiết khác của ngành theo quy định.*”

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Tại khoản 2 Điều 15, đề nghị xác định, biên tập nội dung phân bổ giao dự toán lĩnh vực giáo dục theo phân cấp quản lý ngân sách cho phù hợp với quy định.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung đoạn thứ 4 Khoản 2 Điều 15 dự thảo Quy định như sau: “*Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện phân bổ giao dự toán sự nghiệp giáo dục cấp huyện, cấp xã phù hợp với tình hình thực tế địa phương, theo cơ chế giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo tỷ lệ chi thường xuyên (ngoài quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương) không thấp hơn 15% (bao gồm cân đối nguồn thu sự nghiệp, thu phí được để lại đơn vị theo quy định); phần kinh phí còn lại phân bổ thực hiện cho các đề án, chính sách do Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành và một số nhiệm vụ khác phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập của ngành theo quy định. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện ưu tiên bố trí ngân sách cấp huyện cho hoạt động giảng dạy và học tập theo khả năng cân đối ngân sách.*”

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Tại Khoản 3, đề nghị biên tập rõ nội dung về “...số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, số lượng cấp Ủy viên các cấp theo quy định.” Nhằm tránh trùng lặp đối với đại biểu cấp tỉnh.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung điểm a Khoản 3 Điều 18 dự thảo Quy định như sau: “*a) Biên chế hành chính nhà nước do cấp thẩm quyền giao năm 2021; biên chế của các cơ quan Đảng, Đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội theo thông báo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy; số lượng cán bộ công chức cấp xã, mức khoán quỹ phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026, số lượng cấp ủy viên cấp huyện, cấp xã theo qui định.*”

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Đối với tiêu chí bổ sung, đề nghị xem xét bổ sung thêm đô thị loại II để phù hợp với thành phố Kon Tum.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách điều chỉnh, bổ sung Khoản 3 Điều 19 dự thảo Quy định như sau: “*3. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Hỗ trợ chi sự nghiệp văn hóa thông tin đối với huyện, thành phố là đô thị loại II, III: 1.000 triệu đồng/huyện, huyện là đô thị loại IV: 500 triệu đồng/huyện.*”

9. Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Kon Tum

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Báo cáo rõ cơ sở đề xuất các mức chi tiền công, mức chi các cuộc thi tại dự thảo Nghị quyết.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Mức tăng lương cơ sở tăng từ 850.000 đồng/tháng (thời điểm ban hành Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BGDĐT-BTC) lên 1.490.000 đồng/tháng (thời điểm ban hành Thông tư

69/2021/TT-BTC). Đồng thời, định mức chi phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên tham gia các Hội đồng thi tại Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh không quá 70% mức chi quy định tại Thông tư số 66/2021/TT-BTC, thấp hơn so với các tỉnh khác trong khu vực (*Gia Lai, Đắk Lắk, ...*). Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi dựa theo quy định tại Thông tư 69/2021/TT-BTC, áp dụng mức 3 (*chỉ áp dụng 80%*) và mức 4 của lương chuyên gia được quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Sự phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian qua. Đảm bảo sự tương đồng với các tỉnh lân cận (*phù hợp với mức chi theo Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Ngãi*). Đảm bảo tính ổn định khi thực hiện Thông tư số 69/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính (*bù trượt giá, chi tiền lương theo vị trí việc làm trong thời gian sắp tới*).

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Đề nghị bổ sung mức chi tại các mục 12.2; 12.3; 12.4; 12.5; 12.6 Phụ lục 1 và biên tập lại thành “ 12.2. Chi soạn thảo câu hỏi thô: 70.000 đồng/câu; 12.3. Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi: 60.000 đồng/câu; 12.4. Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm: 50.000 đồng/câu; 12.5. Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi: 35.000 đồng/câu; 12.6: Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa: 10.000 đồng/câu”.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh biên tập lại Phụ lục I và Phụ lục II Dự thảo, cụ thể như sau:

- Phụ lục I: “ 12.2. Chi soạn thảo câu hỏi thô: 70.000 đồng/câu; 12.3. Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi: 60.000 đồng/câu; 12.4. Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm: 50.000 đồng/câu; 12.5. Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi: 35.000 đồng/câu; 12.6: Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa: 10.000 đồng/câu”.

- Mục II, Phụ lục II: “2. Chi soạn thảo câu hỏi thô: 46.000 đồng/câu; 3. Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi: 39.000 đồng/câu; 4. Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm: 33.000 đồng/câu; 5. Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi: 23.000 đồng/câu; 6: Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa: 6.500 đồng/câu”.

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Khoản 13 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC giao Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào khả năng kinh phí, vai trò thực tế của từng chức danh quy định tại khoản 4, khoản 8, điểm b, c, e khoản 9, khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư này, quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương (*không quy định thêm chức danh, thành viên*). Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết bổ sung thêm một số thành viên trong các Hội đồng (Ban) là chưa phù hợp, đồng thời

gộp hoặc tách thành các nhóm thành viên khác so với quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC và có mức chi khác nhau.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Phụ lục I Dự thảo, cụ thể như sau:

- Nội dung chi tại theo đúng quy định tại Khoản 13 điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC (Khoản 2, 3, 7, 9 phụ lục I).

- Đưa ra khỏi Phụ lục I nội dung chi cho chức danh là phục vụ của Hội đồng/Ban ra đề thi; chức danh là giám sát, cán bộ kỹ thuật, y tế, phục vụ của Hội đồng (Ban) coi thi/Điểm thi; chức danh là thành viên của Hội đồng (Ban) chấm thi trắc nghiệm, Hội đồng (Ban) phúc khảo trắc nghiệm; chức danh là Chủ tịch Hội đồng, Các Phó Chủ tịch của Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi.

- Đưa ra khỏi Phụ lục II nội dung chi cho chức danh là phục vụ của Ban Tổ chức các cuộc thi, hội thi.

- Bổ sung định mức chấm bài thi theo ngày đối với cán bộ chấm thi.

- **Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Đề nghị biên tập Khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết và tiêu đề tại khoản 1 Mục I Phụ lục II kèm theo dự thảo Nghị quyết theo hướng ngắn gọn, bao quát, dễ thực hiện.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu, điều chỉnh dự thảo như sau:

- Khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết: *“Nội dung chi, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tỉnh Kon Tum, gồm: Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; Hội thi về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; Hội thi về làm và sử dụng đồ dùng, đồ chơi, học liệu số/thiết kế video; Cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử; Cuộc thi khoa học, kỹ thuật; Cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp; Hội thi các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú; Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh giỏi; Kỳ thi nghề phổ thông; Kỳ thi cấp chứng chỉ và các kỳ thi khác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức (cấp tỉnh) được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.”*

- Tiêu đề tại Mục I Phụ lục II: *“Mức tiền công cho các chức danh là thành viên khi tham gia các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo do sở giáo dục và đào tạo chủ trì tổ chức (cấp tỉnh)”*.

- Tiêu đề tại Khoản 1 Mục I Phụ lục II: *“Nội dung chi và mức chi cho các cuộc thi và hội thi”*. Đồng thời, tại Khoản 2 Mục I Phụ lục II: Điều chỉnh cụm từ: *“kiểm tra cấp chứng chỉ”* thành *“thi cấp chứng chỉ”*.

- Đưa ra khỏi Phụ lục II nội dung chi cho chức danh là **phục vụ** của Ban Tổ chức các cuộc thi, hội thi.

10. Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum

- **Ý kiến của Ban Văn hóa – Xã hội:** Nội dung dự thảo Nghị quyết, xác định đối tượng khó khăn khác tại Điều 3:

+ Đối tượng là trẻ em quy định tại Khoản 1, 2 và 3: Cần có sự phân loại đối tượng trẻ em theo khung độ tuổi để xác định mức trợ cấp xã hội hàng tháng tương tự như quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (trẻ em dưới 4 tuổi; trẻ em từ đủ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi) nhằm đảm bảo hỗ trợ chăm sóc trẻ bình đẳng với các trẻ khác cùng lứa tuổi.

+ Tại khoản 4: Đối với đối tượng là “Người nhiễm HIV không thuộc diện hộ nghèo không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng”, chưa đề cập đến đối tượng là trẻ em bị nhiễm HIV không thuộc hộ nghèo. Do đó, Ban đề xuất bổ sung đối tượng này vào nhóm đối tượng người bị nhiễm HIV trong dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, đề nghị biên tập lại khoản này như sau: " Người nhiễm HIV (bao gồm trẻ em bị nhiễm HIV) không thuộc diện hộ nghèo nhưng không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng”.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Thống nhất tiếp thu và bổ sung, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, cụ thể:

- Bổ sung, điều chỉnh điểm b, Khoản 2 Điều 3 như sau: “ b) *Đối với đối tượng là trẻ em thuộc khoản 1 Điều này quy định như sau:*

+ *Hệ số 2,0 đối với đối tượng dưới 4 tuổi.*

+ *Hệ số 1,5 đối với đối tượng từ đủ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi”.*

- Tại Khoản 4, Điều 3 bổ sung và biên tập lại như sau: “*Người nhiễm HIV (bao gồm trẻ em bị nhiễm HIV) không thuộc diện hộ nghèo nhưng không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng”.*

- **Ý kiến của Ban Văn hóa – Xã hội:** Xem xét, bổ sung đối tượng: ”Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo (*không thuộc diện đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP*) đang sinh sống tại địa bàn không phải là xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn”.

Lý do đề nghị: Tại điểm b khoản 5 Điều 5 của Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách cho đối tượng “Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc diện quy định ở điểm a khoản này đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn”. Quy định trên không bao gồm đối tượng có hoàn cảnh tương tự nhưng sinh sống ở các vùng khác. Tuy nhiên xét về điều kiện sống thì người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo không phân biệt vùng đều có hoàn cảnh thật sự khó

khăn. Mặt khác đây là đối tượng yếu thế trong xã hội, không có sức lao động, cần có sự trợ giúp và đối tượng này thực tế hiện có trên địa bàn tỉnh.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Văn hóa – Xã hội, UBND tỉnh tiếp thu và bổ sung như sau:

- Điểm e Khoản 1 Điều 3: "e) Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo (*không thuộc diện đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP*) đang sinh sống tại địa bàn không phải là xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn" như ý kiến của Ban Văn hóa xã hội

- Điểm c, Khoản 1 Điều 3: "c) Đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng với mức bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này nhân với hệ số 1,0".

- **Ý kiến của Ban Văn hóa – Xã hội:** Ngoài mức hỗ trợ cho đối tượng như quy định tại khoản 5, đề nghị bổ sung thêm 2 nội dung:

+ Riêng đối tượng là trẻ em: quy định hệ số thành 2 mức tương ứng với khung độ tuổi của trẻ em như đã nêu tại điểm a mục này.

+ Trường hợp đối tượng theo quy định tại Điều này thuộc diện hưởng các mức theo các hệ số khác nhau được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị quyết này thì chỉ được hưởng một mức cao nhất".

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Thống nhất tiếp thu, bổ sung Khoản 2, Điều 3 dự thảo Nghị quyết như sau:

"- Đối với đối tượng là trẻ em tại Khoản 1 Điều này quy định như sau:

+ Hệ số 2,0 đối với đối tượng dưới 4 tuổi.

+ Hệ số 1,5 đối với đối tượng từ đủ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi.

- Trường hợp đối tượng theo quy định tại Điều này thuộc diện hưởng các mức theo các hệ số khác nhau được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị quyết này thì chỉ được hưởng một mức cao nhất".

11. Nghị quyết về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2022

- **Ý kiến của Ban Pháp chế:** Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thời gian tới sớm thực hiện rà soát, cơ cấu lại biên chế của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị. Thực hiện đảm bảo quy định theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 3 để xem xét, quyết định.

* **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Hiện nay các cơ quan, đơn vị mới được tổ chức sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các quy định của Chính phủ. Để có cơ sở trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ biên chế công chức dự phòng hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế của từng cơ quan, địa phương, Ủy

ban nhân dân tỉnh sẽ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phân bổ sau khi tổng kết việc triển khai các Nghị quyết, Nghị định Chính phủ.

Mặt khác, hiện nay các Bộ, ngành Trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể về vị trí việc làm, cũng như định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính theo ngành lĩnh vực, do đó Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn chưa phê duyệt được vị trí việc làm cho các cơ quan, tổ chức hành chính Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

Từ những lý do nêu trên, đối với việc rà soát, cơ cấu lại biên chế của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi Trung ương thực hiện tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các Bộ, ngành Trung ương có hướng dẫn về vị trí việc làm, định mức biên chế công chức theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ hai xem xét./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban - HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH-TTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm